

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập
và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2024**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 18 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng
11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội
nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới
hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các
đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự
nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính
phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn
2021 - 2030;

Căn cứ Công văn số 6000/BNV-TCBC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của
Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp
công lập năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 35-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban
Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 2374-QĐ/BTCTW ngày 06 tháng 12 năm 2023 của
Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1528-QĐ/TU ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tỉnh
ủy Cao Bằng về biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn

vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2024;

Xét Tờ trình số 454/TTr-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2024, cụ thể như sau:

I. Các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp): 16.335 biên chế, trong đó:

1. Phân bổ theo nguồn hưởng lương/tổng biên chế giao
 - Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **15.453** biên chế (94,60%);
 - Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **882** biên chế (5,40%);
2. Phân bổ theo cấp quản lý/tổng biên chế giao
 - Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ban, ngành: **5.391** biên chế (33,00%), trong đó:
 - + Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 4.957 biên chế (91,94%).
 - + Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 434 biên chế (8,06%).
 - Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các huyện, thành phố: **10.939** biên chế (66,70%), trong đó:
 - + Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.496 biên chế (95,95%);
 - + Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 443 biên chế (4,05%).
 - Biên chế thu hồi sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập: **05** biên chế (0,03%).

II. Các tổ chức hội có tính chất đặc thù: 76 biên chế, trong đó:

1. Các Hội đặc thù cấp tỉnh: 63 biên chế;
2. Các Hội đặc thù cấp huyện: 11 biên chế;
3. Biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 02 biên chế.

(Có Phụ lục giao biên chế kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, Kỳ họp thứ 18 (*chuyên đề*) thông qua ngày 08 tháng 4 năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng tạm phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

Phụ lục
TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2024
 (Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Người làm việc

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
A	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	16.335	15.453	882	11.499	504	2.908	323	475	16	42	4	529	35
I	Sở, ban, ngành	5.391	4.957	434	1.392	61	2.908	323	288	16	42	4	327	30
1	Sở Nội vụ	15	14	1									14	1
2	Sở Tư pháp	40	38	2									38	2
3	Sở Công Thương	24	22	2									22	2
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	144	132	12									132	12
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	75	70	5									70	5
6	Sở Thông tin và Truyền thông	21	21	-									21	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	196	185	11	120	11	65							
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	218	210	8					210	8				
9	Sở Khoa học và Công nghệ	44	40	4							40	4		
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.322	1.272	50	1.272	50								
11	Sở Y tế	3.166	2.843	323			2.843	323						
12	Sở Ngoại vụ	7	7	-									7	
13	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	17	17	-									17	
14	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	11	3	8									3	8
15	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	86	78	8					78	8				
16	Quỹ Phát triển đất	3	3	-									3	
17	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh	2	2	-							2			
II	UBND các huyện, thành phố	10.939	10.496	443	10.107	443	-	-	187	-	-	-	202	-
1	UBND huyện Bảo Lâm	1.387	1.337	50	1.302	50			19				16	
2	UBND huyện Bảo Lạc	1.204	1.154	50	1.132	50			10				12	

